

## 男A分組一覽

男A-A組	
1	李博鈞 TM
2	陳浩柏 KT
3	譚旻軒 HMT
4	賀樂天 ST
5	BYE

男A-B組	
1	張文軒 CW
2	戴卓仁 WC
3	阮鴻樟 TP
4	游紀軒 TW
5	BYE

男A-C組	
1	許煜梵 TP
2	朱家葆 KT
3	陳雋琛 ST
4	蕭敬軒 WC
5	何天朗 TM

男A-D組	
1	李祖東 TW
2	黃梓皓 ST
3	張潤豪 HMT
4	黃亦熙 CW
5	BYE

男A-E組	
1	葉栩麟 TP
2	林柏灝 HMT
3	范立衡 TW
4	謝永祥 ST
5	BYE

男A-F組	
1	邱智泓 KT
2	呂鍵灝 HMT
3	李俊傑 WC
4	梁鈞智 TM
5	許正謙 CW

男A-G組	
1	朱卓熹 WC
2	周卓謙 TP
3	邵卓言 HMT
4	葉勁霖 TM
5	BYE

男A-H組	
1	阮泓熹 TW
2	袁承謙 KT
3	葉泰濂 ST
4	歐銘希 CW
5	BYE

男A-J組	
1	黃曉峰 CW
2	鄺恩樂 WC
3	陳嘉樂 TP
4	施柏賢 TM
5	BYE

男A-K組	
1	丘浚亨 WC
2	黎文鋒 KT
3	王昀希 HMT
4	葉沛豪 ST
5	BYE

男A-L組	
1	任奕潛 TP
2	姜旭晟 TM
3	莫溥珈 WC
4	趙韋瑋 ST
5	黃樂 HMT

男A-M組	
1	范焯橋 TW
2	譚澤峰 KT
3	黃柏軒 HMT
4	黃韋義 CW
5	BYE

男A-N組	
1	鄭智聰 KT
2	楊仲軒 TW
3	李彥龍 HMT
4	陳雋琦 ST
5	BYE

男A-P組	
1	朱立鳴 TP
2	葉峻翹 TM
3	陳璿勳 WC
4	黃曉峰 KT
5	江鎮海 CW

男A-Q組	
1	黃凱略 HMT
2	鍾漳瑋 TM
3	梁正瀚 CW
4	陳樂謙 ST
5	BYE

男A-R組	
1	許緯言 WC
2	羅卓桀 TW
3	王豐 KT
4	尹悅朗 TP
5	BYE

## 男B分組一覽

男B-A組	
1	張瑞謙 CW
2	劉泓志 TM
3	朱偉賢 TW
4	BYE
5	BYE

男B-B組	
1	任樂謙 ST
2	秦凱曦 KT
3	莫文智 TP
4	史天朗 WC
5	BYE

男B-C組	
1	鍾曉峯 KT
2	周厚奎 TW
3	鍾諾琛 TM
4	史澤佳 CW
5	BYE

男B-D組	
1	何胤廷 HMT
2	容志恆 ST
3	周厚陽 TW
4	陳梓皓 TP
5	BYE

男B-E組	
1	李皓賢 ST
2	安嘉淦 WC
3	何俊濤 TW
4	王凱祺 CW
5	BYE

男B-F組	
1	李博華 TM
2	麥子浩 KT
3	黃焯珩 HMT
4	羅皓希 TP
5	BYE

男B-G組	
1	王宏偉 WC
2	陳顯元 HMT
3	廖詠智 ST
4	林卓言 TP
5	BYE

男B-H組	
1	鄧晉銘 TW
2	陸健栢 KT
3	何茗琛 TM
4	藍昊熙 CW
5	BYE

男B-J組	
1	梁樂軒 CW
2	莫浩雲 TP
3	謝子朗 TW
4	余綽彥 KT
5	BYE

男B-K組	
1	李頌 WC
2	姜栢桑 ST
3	林梓義 HMT
4	黃學錦 TM
5	BYE

男B-L組	
1	李嘉謙 HMT
2	梁正言 TM
3	劉樂軒 TW
4	蔡穎朗 WC
5	BYE

男B-M組	
1	姚日謙 ST
2	吳子烙 TP
3	陳俊熹 CW
4	劉晉揚 TW
5	BYE

男B-N組	
1	陳浚瑄 CW
2	蓋琦嘉 ST
3	陳俊熹 WC
4	郭智豪 TP
5	BYE

男B-P組	
1	尤頌蘊 KT
2	梁與行 HMT
3	方柏生 TM
4	李雋彥 TW
5	BYE

男B-Q組	
1	楊永勤 TW
2	袁俊華 ST
3	李柏謙 TM
4	黃嘉傑 CW
5	BYE

男B-R組	
1	歐諾庭 WC
2	鄧皓暉 KT
3	莫明栩 TP
4	BYE
5	BYE